

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **159/2019/DS-PT**
Ngày: 29 - 5 - 2019
V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải**.

Các Thẩm phán:

Ông **Võ Trung Hiếu**

Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Hoàng Phương**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Đỗ Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 và ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 128/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 339/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Lan P (Nguyễn Lan P)**, sinh năm 1949; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P: Luật sư **Trần Văn Sỹ** - Văn phòng Luật sư Văn Sỹ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long và ông **Trần Xuân Hòa** là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang (cả 2 có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thiện T**, sinh năm 1959; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quốc T** - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện C.

Ủy quyền cho ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1956; - chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (Theo giấy ủy quyền số 23/UQ-UBND ngày 27/11/2017) (xin vắng mặt)

3.2. Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1957; (có mặt)

3.3. Chị **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1990; (xin vắng mặt)

3.4. Chị **Nguyễn Cẩm T**, sinh năm 1998. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1965; (xin vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Thiện T**, sinh năm 1959; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền được UBND xã A xác nhận ngày 08/4/2013)

3.6. Anh **Ngô Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1996; (xin vắng mặt)

3.7. Chị **Ngô Nguyễn Thảo Q**, sinh năm 1991; (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.8. Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1963 (Chết năm 2012)

** Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tuấn:*

- Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1941 (Chết năm 2015)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Mum:

+ Anh **Ngô Công H**, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

+ Anh **Ngô Công T**, sinh năm 1973; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh **Ngô Công S**, sinh năm 1977; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị **Ngô Thị L**, sinh năm 1980; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Kinh 12, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1965; (xin vắng mặt)

- Anh **Ngô Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1996; (xin vắng mặt)

- Chị **Ngô Nguyễn Thảo Q**, sinh năm 1991; (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thị Lan P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan P trình bày:

Năm 1977, bà có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T phần đất 252m² (ngang 12m x dài 21m) và năm 1980 nhận chuyển nhượng của ông Phạm Phong P phần đất 640m² (ngang 16m x dài 40m) tọa lạc tại ấp 04, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Việc mua bán hai bên chỉ làm giấy tay. Năm 1989, bà chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Thiện T phần đất chiều ngang 7,5m, chiều dài 40m nằm trong phần đất nhận chuyển nhượng của ông P. Trong quá trình sử dụng đất ông T đã lấn chiếm phần đất của bà nhận chuyển nhượng của bà T qua đo đạc thực tế có diện tích 50,6m² (chiều ngang là 9,3m, chiều dài cạnh phía Đông 4,6m, chiều dài cạnh phía Tây là 7,6m). Đồng thời ông T còn lấn chiếm phần đất của bà nhận chuyển nhượng của ông P chiều ngang khoảng 1,5m, chiều dài 40m.

Nay bà yêu cầu: Ông Nguyễn Thiện T cùng các thành viên trong hộ ông T trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 50,6m² (chiều ngang là 9,3m, chiều dài cạnh phía Đông 4,6m, chiều dài cạnh phía Tây 7,6m) nằm trong thửa đất số 20, tờ bản đồ số 08, có tổng diện tích 147,7m² do Nguyễn Thị Mỹ L đứng tên tọa lạc tại ấp 04, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Yêu cầu ông Nguyễn Thiện T cùng các thành viên trong hộ phải trả phần đất lấn chiếm chiều ngang 1,5m, chiều dài 40m (đo đạc thực tế 7,8m²) tọa lạc tại ấp 04, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn ông Nguyễn Thiện T trình bày:

Năm 1989, vợ chồng ông có mua của vợ chồng ông T, bà P phần đất ngang 7,5m, dài 40m hai bên mua bán chỉ làm giấy tay. Sau khi mua ông xây dựng nhà ở và kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 ở thửa số 59 diện tích 214,2m², việc bà P khai ông lấn qua 0,5m dài 40m là không đúng.

Ngoài ra, khoảng năm 1994 em của ông là Nguyễn Thị Mỹ L có sang nhượng nhà đất của bà Võ Thị D, nên ông có mua lại chiều ngang 2m của bà Võ Thị T để làm lối đi vào nhà bà L, bà L sử dụng phần đất này đến năm 2009 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 20 diện tích 147,7m², ông và bà L không lấn đất như lời bà P khai nên không đồng ý theo yêu cầu của bà P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T và đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Năm 1992 vợ chồng ông, bà có mua của bà Võ Thị D một căn nhà và phần đất. Năm 1996 bà Lan P sang cho bà Võ Thị T phần đất liền kề với đất của anh nên vợ chồng ông T có mua lại của bà T ngang 2m, dài 5m (Có giấy sang nhượng) cho vợ chồng ông sử dụng. Năm 1998 nhà nước tiến hành đo đạc để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông đã kê khai chung 03 thửa đất là đất ông mua của bà D, bà Thế và của ông T, bà H cho diện tích là 148m² sử dụng và nộp thuế liên tục cho đến nay.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị M là anh Ngô Công T, anh Ngô Công S và chị Ngô Thị L trình bày:

Phần đất bà Lan P kiện ông T, ông Tuấn, bà L theo các anh chị biết thì phần đất này do cha vợ ông T mua cho vợ chồng ông T và có một phần của ông T cho. Đối với phần ranh đất đang tranh chấp thì các anh chị không biết. Các anh chị hoàn toàn không có yêu cầu gì trong vụ kiện trên.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Nguyễn Thanh N, Ngô Nguyễn Thảo Q, Trương Thị H, Nguyễn Anh T, Nguyễn Cẩm T, Nguyễn Thị Mỹ, UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang: Không có ý kiến về việc kiện.

- Bản án sơ thẩm số: 128/2018/DS-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 166, 170 và Điều 203 Luật đất đai; Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 138 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh án về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan P.
2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 08/8/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 128/2018/DSST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang yêu cầu sửa bản án sơ thẩm công nhận bà là chủ quyền sử dụng đất và buộc ông T, bà L và các thành viên trong hộ ông T phải trả lại cho bà phần đất có diện tích 50,6m², tờ bản đồ số 08, thuộc thửa số 20 tọa lạc ấp 4, xã A, huyện C; buộc ông T phải trả lại giá trị của 7,8m² đất lấn chiếm khi xây dựng nhà là 70.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Lan P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, cụ thể là: bà P yêu cầu ông T, bà L trả cho bà phần đất thửa 20, tờ bản đồ số 8, do bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50,6m² nay theo đo đạc thực tế là 44,7m², còn ông T phải trả 7,8m² đất lấn chiếm bằng giá trị 70.000.000 đồng

Người bảo vệ quyền lợi cho bà P là ông Trần Xuân H trình bày: Về phần đất tranh chấp 50,6m² qua đo đạc thực tế 44,7m² nằm trong giấy chứng nhận của bà L có một phần ông T mua của bà P, phần còn lại là lấn chiếm đất của bà P. Việc ông T khai mua đất của bà T để cho bà L là không có căn cứ. Vì không có chứng cứ nào thể hiện bà T có bán đất cho ông T. Cấp sơ thẩm nhận định đất tranh chấp bà L mua của bà D. Khi bà L đăng ký cấp quyền sử dụng đất thì bà P biết nhưng không tranh chấp là vô lý. Vì từ khi bà P phát hiện đất bị bà L lấn chiếm thì yêu cầu chính quyền giải quyết tranh chấp suốt từ đó đến nay.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà P phát biểu tranh luận cho rằng: Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định đất tranh chấp có phần 10m² ông T mua cho bà L nhưng không thể hiện có chứng cứ tặng cho đất như ông T trình bày. Suốt quá

trình tranh tụng ông T luôn thừa nhận phần đất tranh chấp trước năm 1989 là của bà P. Sau năm 1989 ông T xây nhà lớn hơn diện tích mua của bà P, vậy phần đất đó ông có từ cơ sở nào?

Qua phân tranh luận của cả hai người bảo vệ cho quyền lợi của bà P đều đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P: sửa án sơ thẩm, buộc bà L trả đất và ông T trả giá trị phần đất lấn chiếm cho bà P.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký tòa án và Hội đồng xét xử từ lúc thụ lý vụ án đến trước thời điểm chuẩn bị nghị án đều đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, kiểm sát viên nhận định: Tòa án sơ thẩm xử không chấp nhận các yêu cầu của bà P là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà P kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung thêm được tài liệu, chứng cứ mới có ý nghĩa, có thể làm thay đổi tính chất của vụ án, vì vậy Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, giữ y quyết định án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự nghe lời bào chữa của những người bảo vệ quyền lợi cho bà P và ý kiến nhận xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan P thực hiện quyền kháng cáo đúng với các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng khác có đơn xin giải quyết vắng mặt, các đơn đều hợp lệ nên căn cứ vào các Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người có đơn xin vắng mặt như luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất nên Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp quyền sử dụng đất (viết tắt QSDĐ) là đúng với tính chất vụ án. Việc tranh chấp này phát sinh từ năm 2007 kéo dài cho đến nay nên thuộc thẩm quyền và phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 4, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 11, Điều 14, Điều 164, 166 của Bộ luật Dân sự, Điều 6, 166, 170 và 203 của Luật đất đai.

[3] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà P cho rằng bà có 2 phần đất 252m² mua của bà Nguyễn Thị T và 640m² chuyển nhượng của ông Phạm Phong P tại ấp 4, xã A, huyện C từ năm 1975. Năm 1989 bà chuyển nhượng lại cho Nguyễn Thiện T phần đất mua của ông P ngang 7,5m dài 40m. Quá trình sử dụng ông T lấn chiếm đất mà bà mua của bà T 50,6m² và lấn chiếm phần đất mà bà mua của ông P 7,8m² nên bà yêu cầu ông T cùng các thành viên trong hộ trả

lại các phần đất lấn chiếm cho bà. Tòa sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của bà P nên bà kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà P nhận thấy:

[4.1] Đối với phần đất bà P yêu cầu ông T giao trả 7,8m² nằm trong thửa 59 tờ bản đồ số 05 diện tích 241,4m², địa chỉ tổ 2, ấp 4, xã A, huyện C đất này ông T đã được ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00496 ngày 25/11/2004 (BL 138). Đất này do bà P chuyển nhượng cho ông T vào năm 1989 từ phần đất bà P chuyển nhượng của ông P 640m². Năm 1997 bà P tiếp tục bán cho ông Nguyễn Văn T chiều ngang 4,1m dài từ Lộ Tẻ ra rạch phía sau. Đến năm 1998 thì bà P bán luôn phần còn lại cho ông K.

Mặc dù đã bán hết đất nhưng đến năm 2000 bà P quay lại tranh chấp với ông T, vụ việc đã được ủy ban nhân dân huyện C giải quyết bằng Quyết định 428/QĐUB ngày 12/12/2000 là không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của bà P. Bà P tiếp tục khiếu nại Quyết định 428. Ngày 09/5/2002, ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định 136/2002/QĐUB giữ y quyết định 428. Bà P tiếp tục khởi kiện hành chính Quyết định hành chính 428 ngày 12/12/2000 của ủy ban nhân dân huyện C. Yêu cầu khởi kiện Quyết định hành chính 428 của bà P đã được Tòa án nhân dân huyện C xử sơ thẩm và Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phúc thẩm đều không chấp nhận yêu cầu của bà P giữ nguyên Quyết định 428 của ủy ban nhân dân huyện C. Cho đến nay bản án vẫn còn nguyên hiệu lực pháp luật thể nhưng đến năm 2007 bà P lại khởi kiện tranh chấp 7,8m² đất với ông T. Xét yêu cầu khởi kiện của bà P đòi ông T trả 7,8m² đất là hoàn toàn không có căn cứ. Và bà không có bất cứ giấy tờ nào chứng minh 7,8m² đất tranh chấp với ông T là của bà. Thực tế thì 7,8m² đất bà P đòi ông T trả nằm trong giấy chủ quyền của ông T mà theo bà P chỉ khi thẩm định thì đất đó nằm chồng lấn trong vách tường nhà ông T với vách tường nhà Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị T. Do đó án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu này của bà P là có căn cứ. Bà P kháng cáo nhưng không bổ sung chứng cứ mới nên không được chấp nhận.

[4.2] Đối với phần đất bà P kiện đòi ông T cùng các thành viên trong hộ giao trả 50,6m² (qua đo đạc thực tế 44,7m²) đất này nằm trong thửa 20 tờ bản đồ số 8 diện tích 147,7m², địa chỉ ấp 4, xã A, huyện C, đã được ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03383 ngày 21/9/2009 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L đứng tên (BL 168). Phần đất này do chị L đứng tên QSDĐ nhưng bà P lại đòi ông T và thành viên trong hộ ông T giao trả. Việc này lẽ ra tòa sơ thẩm yêu cầu bà P sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, nhưng Tòa sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị Mỹ L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đã không tiến hành việc thu thập chứng cứ đúng theo hướng án giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đã chỉ ra nên quyết định thiếu căn cứ.

[4.3] Theo kết quả thẩm định đo đạc tại chỗ ngày 22/02/2009 thể hiện phần đất bà P tranh chấp với bà L 44,7m² nằm tiếp giáp với đường thoát nước của Lộ Tẻ chợ A, huyện C. Trong 44,7m² này có 1 phần nằm phía trước nhà bà Trần Thị T và các thành viên hộ bà T ở số 318, tổ 10, ấp 4, xã A gồm: Trần Thị T, Võ

Thị Thúy H, Võ Thị Kiều O, Hồ Vĩnh P, Võ Hoàng Yến N đang quản lý sử dụng. Theo bà T khai đất đang tranh chấp trước cửa nhà bà là đất công do bà sử dụng từ trước đến nay. Năm 2008 nước ngập nên bà hỏi và được ủy ban nhân dân xã cho san lấp chống ngập để sử dụng tránh gây ô nhiễm.

Việc này chưa được cấp sơ thẩm xác minh làm rõ xem gia đình bà T và ủy ban nhân dân xã A có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gì để đưa vào tham gia tố tụng làm rõ quyền nghĩa vụ của họ mới giải quyết được toàn diện chính xác và triệt để vụ án.

Xét thấy thiếu sót trên là nghiêm trọng cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy án phần nội dung này chuyển hồ sơ cho Tòa sơ thẩm xét xử lại. Do hủy một phần quyết định án sơ thẩm để giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại nên cấp phúc thẩm chưa xét đến phần yêu cầu kháng cáo của bà P liên quan đến phần bản án sơ thẩm bị hủy.

[5] Về án phí: Bà P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận do bà là người cao tuổi được miễn theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do đó trả lại bà P 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm.

Từ nội dung phân tích như Hội đồng xét xử đã nêu xét thấy ý kiến bào chữa của những người bảo vệ quyền lợi cho bà P hoàn toàn không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chỉ có một phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 270, 293, khoản 1, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 228, Điều 4 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 11, Điều 14, 164, 166 của Bộ luật Dân sự. Điều 6, 166, 170, 203 của Luật đất đai. Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lan P. Giữ nguyên một phần quyết định bản án sơ thẩm số 128/2018/DS-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan P đòi ông Nguyễn Thiện T và các thành viên hộ ông T trả cho bà P 7,8m² đất nằm trong thửa 59 tờ bản đồ số 5 tổng diện tích 241,4m² tại tổ 2, ấp 4, xã A, huyện C, do ông T đã được ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00496 ngày 25/11/2004.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mỹ L xin công nhận phần đất diện tích 50,6m² mà bà P tranh chấp là của bà L.

4. Hủy một phần quyết định án sơ thẩm số 128/2018/DS-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan P đòi ông Nguyễn Thiện T cùng các thành viên trong hộ ông T trả lại phần đất 50,6m² (đo đạc thực tế 44,7m²) nằm trong thửa 20 tờ bản đồ số 8 với tổng diện tích 147,7m² do Nguyễn Thị Mỹ L đứng tên QSDĐ tại ấp 4, xã A, huyện C. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

5. Về án phí: Bà P không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho bà P 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 09107 ngày 08/8/2018 của Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trả lại cho bà L 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 014711 ngày 28/11/2007 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang.

Nghĩa vụ chịu án phí được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 9 giờ 30 phút ngày 29/5/2019 có mặt bà P, ông T, bà H.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải